

Phùng Ngọc Hùng, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

Cù Huy Cận, Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam,

Đoàn Xuân Mượu, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam,

Nguyễn Xuân Cang, Ủy viên Ban Thư ký Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam,

Trần Đức Thuận, Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 2. — Ủy ban Thiếu niên nhi đồng Việt Nam cử ra Ban thư ký giúp giải quyết công việc hàng ngày. Các cán bộ trong Ban thư ký do các ngành, đoàn thể thành viên cử đến làm việc theo tính chất kiêm nhiệm, Ủy ban Thiếu niên nhi đồng Việt Nam không có biên chế riêng.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên ở điều 1 thi hành Quyết định này.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
ĐỖ MƯỜI

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG — THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

**THÔNG TƯ số 13-LĐTBXH/TT ngày
21-8-1989** hướng dẫn thực hiện
nghĩa vụ lao động công ích.

Căn cứ vào điều 16 và điều 26 Nghị định số 56-HĐBT ngày 30-5-1989 của Hội

đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nghĩa vụ lao động công ích;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính (tại công văn số 1043-TC/HCVX ngày 5-8-1989 của Bộ Tài chính), Bộ Lao động—Thương binh và xã hội hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Đối tượng được miễn nghĩa vụ lao động công ích hàng năm quy định tại điều 10 của Pháp lệnh và điều 1 của Nghị định là **kể cả** người được hưởng chính sách như thương binh; người mất sức lao động từ 61% trở lên có giấy chứng nhận của Hội đồng giám định y khoa, người có bệnh kinh niên, không thể làm việc nặng được, có giấy chứng nhận của y tế cấp xã trở lên.

2. Những trường hợp được tạm miễn nghĩa vụ lao động công ích hàng năm quy định tại điều 11 của Pháp lệnh và điều 1 của Nghị định là nếu ốm đau đang điều trị, điều dưỡng thì phải có giấy chứng nhận của cơ sở đang điều trị, điều dưỡng; nếu vợ chết hoặc ly hôn, người chồng phải trực tiếp nuôi con nhỏ chưa đủ 36 tháng; người là lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi từ 3 người trở lên, **kể cả bản thân**.

3. Về trợ cấp sinh hoạt (điểm 1, điều 12 và điều 13 của Nghị định):

— Nếu làm việc vào ban đêm (từ 22 giờ đến 6 giờ sáng) thì trợ cấp được tính gấp đôi;

— Người có nghề chuyên môn kỹ thuật (mộc, nề, sát...) nếu sử dụng đúng nghề, đúng bậc công việc, thì cứ đạt mỗi định mức lao động hoặc một ngày công nhật, được hưởng trợ cấp bằng một số tiền như sau:

Bậc 1, bậc 2: trợ cấp tương đương giá trị 1,25 kilôgam gạo.

Bậc 3 trở lên: trợ cấp tương đương giá trị 1,5 kilôgam gạo.

4. Các chế độ khác (điểm 4, điều 12 và điều 13 của Nghị định) :

— Dầu thắp sáng : lao động công ích ở tập trung trong lán trại hay trong nhà dân, cứ mỗi người làm việc trong 10 ngày được cấp 0,1 lit dầu hỏa (hoặc bằng một số tiền tương đương) ;

— Chè uống : mỗi ngày mỗi người làm việc trên công trường được cấp 10gr chè gói loại thường (hoặc bằng một số tiền tương đương).

5. Nguồn chi trả trợ cấp (điều 13 của Nghị định) :

— Trợ cấp một lần và chi phí chôn cất quy định tại điểm 3, điều 12 của Nghị định) do đơn vị sử dụng lao động công ích thanh toán và tính vào giá thành công trình.

Trợ cấp hàng tháng và trợ cấp mất người nuôi dưỡng (quy định tại điểm 3, điều 12 của Nghị định) : nếu là cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước hoặc các đối tượng có nộp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả ; các đối tượng còn lại do ngân sách địa phương chi trả.

6. Các xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp phải lập sổ lao động nghĩa vụ công ích hàng năm. Người có nghĩa vụ lao động công ích hàng năm nếu không đi làm được, thì đóng góp bằng tiền. Số tiền đóng góp thay một ngày công do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương quy định. Việc thu nộp và quản lý tiền nghĩa vụ lao động công ích thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành. Mỗi tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương được lập quỹ tiền nghĩa vụ lao động công ích và trực tiếp quản lý để đầu tư cho các công trình được sử dụng lao động công ích đã ghi trong kế hoạch huy động, sử dụng lao động công ích hàng năm của địa phương.

7. Sử dụng khoản trích lại 5% (điều 3 của Nghị định) :

— Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn được trích lại 4% số tiền thu được để chi trả thù lao cho người trực tiếp làm công tác huy động lao động công ích và mua sổ sách, biểu mẫu báo cáo, biên lai thu tiền và tài liệu hướng dẫn chế độ nghĩa vụ lao động công ích ở xã, phường, thị trấn ;

— Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được trích dùng 0,7% số tiền thu được ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh :

— Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương được trích 0,3% số tiền thu được ở tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương để chi cho công tác tổ chức huy động, quản lý sử dụng, công tác tuyên truyền, tổng kết báo cáo về chế độ nghĩa vụ lao động công ích trong địa phương.

8. Ban Thanh tra Bộ Lao động — Thương binh và xã hội có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện chế độ nghĩa vụ lao động công ích của các ngành, các cấp. Sở Lao động — Thương binh và xã hội có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan giúp Ủy ban Nhân dân địa phương tổ chức thực hiện chế độ nghĩa vụ lao động công ích ; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và định kỳ báo cáo về Bộ Lao động — Thương binh và xã hội việc thực hiện chế độ nghĩa vụ lao động công ích của địa phương.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các địa phương, các ngành phản ánh kịp thời những vướng mắc về Bộ Lao động — Thương binh và xã hội để giải quyết.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Lao động — Thương binh và xã hội

Thứ trưởng

TRẦN HIẾU